

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 396/2019/HNGĐ-PT

Ngày 09-5-2019

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhung.

Bà Châu Thị Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2019/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1730/2018/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1521/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2528/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1979. (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Q.

Tạm trú: Số 64H Tổ B, Khu phố B, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số 58 Tổ B, Khu phố B, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Đỗ Trí H, sinh năm 1973. (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Q.

Tạm trú: Số 64H Tổ B, Khu phố B, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Nhà không số, Khu phố S, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Do có kháng cáo của: Bị đơn ông Đỗ Trí H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn là bà Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Đỗ Trí H tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 69/2015 quyền số: 01/2013 ngày 11 tháng 9 năm 2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ. Gia đình hai bên và hai vợ chồng đã nhiều lần chủ động nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng chỉ được thời gian ngắn, sau đó mâu thuẫn lại trầm trọng hơn. Vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau, bà N không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho ông H và ông H cũng không quan tâm, chăm sóc vợ con. Con chung từ khi sinh ra đến nay đều do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N kinh doanh in ấn thiệp cưới, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đ/tháng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ và bà N không còn tình cảm gì với ông H nên bà N yêu cầu được ly hôn ông H.

Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Đỗ Lê Quỳnh Nh1, sinh ngày 27/7/2010 và Đỗ Trí Nh2, sinh ngày 06/10/2012. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Trí H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H xác nhận lời trình bày của bà N về quá trình kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng là có nhưng chỉ mới phát sinh mấy tháng nay, tuy nhiên đó chỉ là những mâu thuẫn, xô xát nhỏ. Vợ chồng cũng đã nhiều lần ngồi lại để nói chuyện với nhau, giải quyết những bất đồng nhưng cả hai không tìm được tiếng nói chung. Ông H vẫn quan tâm, chăm sóc vợ con. Ông H là phóng viên thu nhập khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, ông H vẫn còn thương yêu vợ con và mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái nên ông H không đồng ý ly hôn bà N.

Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Đỗ Lê Quỳnh Nh1, sinh ngày 27/7/2010 và Đỗ Trí Nh2, sinh ngày 06/10/2012. Nếu bà N cương quyết ly hôn thì ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 1730/2018/HNGĐ-ST ngày 20/12/2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn ông Đỗ Trí H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số: 69/2015 quyền số: 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Q cấp ngày 11 tháng 9 năm 2015 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Đỗ Lê Quỳnh Nh1, sinh ngày 27/7/2010 và Đỗ Trí Nh2, sinh ngày 06/10/2012.

Giao cả 02 (Hai) con chung tên Đỗ Lê Quỳnh Nh1, sinh ngày 27/7/2010 và Đỗ Trí Nh2, sinh ngày 06/10/2012 cho bà Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận việc bà Lê Thị N không yêu cầu ông Đỗ Trí H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi cần thiết có thể xin thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/01/2019, ông Đỗ Trí H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1730/2018/HNGĐ-ST ngày 20/12/2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và ông H không đồng ý ly hôn bà N.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Trí H giữ nguyên kháng cáo, ông H cho rằng tại thời điểm Tòa án nhân dân Quận M thụ lý, xét xử vụ án thì ông H không cư trú tại Quận M; yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết cho bà N và ông H được đoàn tụ, trường hợp Tòa án giải quyết cho bà N ly hôn với ông H thì ông H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Đỗ Lê Quỳnh Nh1 và Đỗ Trí Nh2, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị N không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Trí H, yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

- Thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm: Tại cấp sơ thẩm, ông H không đến Tòa án cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ. Cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục tố tụng tổng đạt, niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi đăng ký tạm trú của ông H đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông H kháng cáo không đồng ý ly hôn, ông H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trình bày được phương thức giải quyết mâu thuẫn để thuyết phục được bà N. Việc bị đơn ông H kháng cáo xin được đoàn tụ xuất phát từ mong muốn các con chung nhận được sự chăm sóc từ cả cha lẫn mẹ; tuy nhiên, quan hệ hôn nhân phải xuất phát từ tình yêu thương, chăm sóc, chia sẻ của hai phía vợ chồng mới đem lại hạnh phúc; trong khi đó bà N cương quyết xin ly hôn ông H chứng tỏ tình yêu thương, chăm sóc, chia sẻ của bà N đối với ông H không còn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho bà N ly hôn ông H với nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà N và bị đơn ông H đã ở mức độ trầm trọng là có cơ sở.

- Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: 02 (Hai) con chung trẻ Đỗ Lê Quỳnh Nh1 và Đỗ Trí Nh2 còn nhỏ tuổi và đang được bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nguyện vọng của trẻ Nh1 được bà N chăm sóc nuôi dưỡng, về điều kiện chăm sóc nuôi dạy con thì bà N kinh doanh tại nơi thuê trọ có nhiều điều kiện trong việc chăm sóc, nuôi dạy con, trong khi đó ông H do công việc nghề nghiệp nên ít có thời gian chăm sóc, nuôi dạy con. Do đó, cấp sơ thẩm giải quyết giao con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật hôn nhân và gia đình.

Từ những cơ sở nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Trí H; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Trí H làm trong hạn luật định và ông H đã thực hiện nghĩa vụ của người kháng cáo phù hợp với các quy định tại Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung:

Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Trí H và phần trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, kiểm tra trình tự, thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm khi thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, ông H không đến Tòa án cung cấp lời khai, chứng cứ.

Cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục tố tụng tổng đạt, niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp công khai chứng cứ, hòa

giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi đăng ký tạm trú của ông H đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Đỗ Trí H tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69/2015 quyền số 01/2013 ngày 11 tháng 9 năm 2015 được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà N trình bày xin ly hôn bị đơn ông H do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ. Gia đình hai bên và hai vợ chồng đã nhiều lần chủ động nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng chỉ được thời gian ngắn, sau đó mâu thuẫn lại trầm trọng hơn. Vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau, bà N không còn tình cảm thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho ông H và ông H cũng không quan tâm, chăm sóc vợ con. Đối với ông H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, tuy nhiên đó chỉ là những mâu thuẫn, xô xát nhỏ, vợ chồng cũng đã nhiều lần ngồi lại để nói chuyện với nhau, giải quyết những bất đồng nhưng cả hai không tìm được tiếng nói chung.

Xét thấy cả nguyên đơn bà N và bị đơn ông H đều thừa nhận giữa hai người có mâu thuẫn về cuộc sống chung của vợ chồng mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay. Bị đơn ông H kháng cáo không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình về lý do kháng cáo, ông H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trình bày được phương thức giải quyết mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ để thuyết phục được bà N. Việc bị đơn ông H kháng cáo xin được đoàn tụ xuất phát từ mong muốn các con chung nhận được sự chăm sóc từ cả cha lẫn mẹ; tuy nhiên, quan hệ hôn nhân phải xuất phát từ tình yêu thương, chăm sóc, chia sẻ của hai phía vợ chồng mới đem lại hạnh phúc; trong khi đó bà N cương quyết xin ly hôn ông H, chứng tỏ tình yêu thương, chăm sóc, chia sẻ của bà N đối với ông H không còn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho bà N ly hôn ông H với nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà N và bị đơn ông H đã ở mức độ trầm trọng là có cơ sở.

[3] Về con chung: Bà N và ông H có 02 (Hai) con chung Đỗ Lê Quỳnh Nh1, sinh ngày 27/7/2010 và Đỗ Trí Nh2, sinh ngày 06/10/2012; Tòa án cấp sơ thẩm giao 02 (Hai) con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông H trình bày ý kiến: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Về điều kiện kinh tế để nuôi con, bà N có điều kiện hơn ông H vì bà N kinh doanh in ấn thiệp cưới, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đ/tháng, ông H có thu nhập khoảng 6.000.000đ/tháng; về điều kiện chăm sóc nuôi dạy con, bà N kinh doanh tại nơi thuê trọ có nhiều điều kiện trong việc chăm sóc, nuôi dạy con, trong khi đó ông H do công việc nghề nghiệp nên ít có thời gian chăm sóc, nuôi dạy con. Song song đó, 02 (Hai) con chung còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc từ người mẹ, thực tế 02 (Hai) con chung hiện nay do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho học hành, chưa có biểu hiện cho thấy việc nuôi dạy con của bà N không tốt, nguyện

vọng của trẻ Nh1 được bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao 02 con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và nguyện vọng của con chung.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông H.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông H phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 148, Điều 271, 272, 273, 276, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

I. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Trí H.

II. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1730/2018/HNGĐ-ST ngày 20/12/2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N ly hôn ông Đỗ Trí H.

- Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Đỗ Lê Quỳnh Nh1, sinh ngày 27/7/2010 và Đỗ Trí Nh2, sinh ngày 06/10/2012. Giao 02 (Hai) con chung tên Đỗ Lê Quỳnh Nh1 và Đỗ Trí Nh2 cho bà Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà Lê Thị N không yêu cầu ông Đỗ Trí H phải cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên cho đến khi có yêu cầu của bà Lê Thị N. Việc giao nhận 02 (Hai) con chung tên Đỗ Lê Quỳnh Nh1 và Đỗ Trí Nh2 do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002757 ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bị đơn ông Đỗ Trí H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0046859 ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận M, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận M, HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trịnh Minh Đức